

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc
Independence – Freedom – Happiness

HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI
COMMERCIAL CONTRACT

Số/No.: 161/2022/HDMB/TIKI-NGOCTHOM

Hợp Đồng Thương Mại này được lập ngày 01 tháng 07 năm 2022 bởi và giữa các bên:
This Commercial Contract is made on 01/07/2022, by and between:

Bên A : **CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THOM**
Party A : **NGOC THOM TRADING AND SERVICE COMPANY LIMITED**
Địa chỉ : 12/14/18 Đường 49, KP7, Phường Hiệp Bình Chánh, TP.Thủ Đức, TP.
Address : 12/14/18 Street 49, Quarter 7, Hiep Binh Chanh Ward, Thu Duc City, Ho
HCM
Chi Minh City
Điện thoại : 028.6290.6631
Telephone number : 028.6290.6631
Mã số thuế : 0309391503
Tax code : 0309391503
Tài khoản ngân hàng : 1027349624 tại NH Vietcombank - Chi nhánh Đông Đồng Nai
Bank account no : 1027349624 – Vietcombank Bank – Dong Dong Nai Branch
Đại diện bởi : Ông ĐẶNG XUÂN NGỌC
Represented by : Mr DANG XUAN NGOC
Chức vụ : Giám Đốc
Position : Director

Và/And

Bên B : **CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI TI KI**
Party B : **TI KI TRADING ONE MEMBER COMPANY LIMITED**
Địa chỉ : 52 Út Tịch, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. HCM
Address : 52 Ut Tich, Ward 4, Tan Binh District, Ho Chi Minh City
Điện thoại : 028.7305.8454
Telephone number : 028.7305.8454
Mã số thuế : 0312388363
Tax code : 0312388363
Tài khoản ngân hàng : 112002629512 tại NH TMCP Công Thương VN - Chi nhánh 7
Bank account no. : 112002629512 – Vietin Bank – Branch 7
Đại diện bởi : Bà VŨ THỊ NHẬT LINH
Represented by : Mrs VU THI NHAT LINH
Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc Quản Lý Sàn Giao Dịch

Position

: Vice President of Managed Marketplace

Sau khi thảo luận, hai Bên cùng thống nhất tiến hành ký kết hợp đồng thương mại ("**Hợp Đồng**") với loại hình giao dịch và theo các điều khoản và điều kiện sau đây:

*Upon mutual discussion, the Parties agree to enter the commercial contract (the "**Contract**") as types of transaction and terms and conditions as the follows:*

Loại hình giao dịch /types of transaction

- Giao dịch gửi bán/Consignment transaction
- Giao dịch mua bán hàng hóa/Sales and Purchase transaction
- Khác (nếu có)/Other (if any)

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

ARTICLE 1: DEFINITIONS AND INTERPRETATIONS

1.1 Định nghĩa

Definition

Trong Hợp đồng, trừ khi ngữ cảnh có yêu cầu khác:

In Contract, unless the context otherwise requires:

"**Bên A**" là bên bán/bên gửi bán sản phẩm cho Bên B để thực hiện việc bán sản phẩm cho khách hàng. Bên A đồng ý bán/gửi bán các sản phẩm do Bên A là nhà sản xuất/nhà phân phối hợp pháp tại thị trường Việt Nam.

"Party A" means the seller/consignor who sells/consigns the Product to Party B for selling products to customers. Party A agrees to sell/consign the product which the Party A is legal manufacturer/distributor in the Vietnam market.

"**Bên B**" là bên mua/bên nhận sản phẩm ký gửi, theo đó sẽ thực hiện việc bán sản phẩm thông qua: chương trình mua sắm tại nhà, catalogues, internet, website, ứng dụng di động, và/hoặc các kênh trực tuyến khác tùy theo quyết định của Bên B.

"Party B" means the purchaser/the consignee who shall sell the Product through: home shopping program, catalogs, internet, website, mobile application, and/or other online forms upon Party B's decision.

"**Sản Phẩm**" là các hàng hóa mà Bên A bán cho Bên B hoặc Bên A gửi cho Bên B bán theo quy định tại Hợp Đồng này. Hàng Hóa bán/gửi bán cho Bên B là hàng hóa có xuất xứ, nguồn gốc rõ ràng, tươi mới 100%, nguyên đai nguyên kiện, đúng chủng loại, chất lượng theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất và theo quy định pháp luật đối với loại hàng hóa.

"Product" means goods which are sold to Party B/consigned by Party A to Party B to sell under this Contract. The Goods sold/consigned to the Purchaser is specific origin, 100% fresh, intact, the type, quality in accordance with the manufacturer's standards and by the law on the type of goods.

"**Khách Hàng**" là các đối tượng mua và/hoặc sử dụng Sản Phẩm mà Bên A bán cho Bên B hoặc Bên A gửi cho Bên B bán theo quy định tại Hợp Đồng này.

"Customers" means object to buy and/or use Products which Party A sold to Party B/ consigned by Party A to Party B to sell as stipulated under this Contract.

"**Tiêu chuẩn chất lượng**" là các đặc tính của Sản Phẩm đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

"Quality standard" means Products' characteristics satisfying the requirements of applicable standards or relevant technical regulations under the regulation of the competent authority.

"**Giá Mua**" là giá trị của một Sản Phẩm được tính bằng Đồng Việt Nam và được hai Bên thỏa thuận thống nhất với nhau như được quy định tại Hợp Đồng này. Đây là giá mà Bên A sẽ xuất hoá đơn GTGT cho Bên B.

"Purchase Price" means the value of one unit of Product which has been mutually agreed by the Parties as mentioned in this Contract and calculated in Vietnamese Dong. Party A shall issue the VAT invoice to Party B under the Product Price hereto.

“Giá bán lẻ” và/ hoặc “Giá bán lẻ khuyến nghị của nhà sản xuất” và/ hoặc “Giá niêm yết” là giá mà tại đó nhà sản xuất/ nhà sở hữu thương hiệu khuyến nghị nhà bán lẻ bán sản phẩm đó cho người tiêu dùng.
“Retail Price” and/or “Manufacturer’s suggested retail price” and/or “Listed price” is the price at which the manufacturer/brand owner/publication recommends that the retailer sell the product to the consumer.

“Kho hàng” và/ hoặc “Kho” là nơi lưu giữ Sản Phẩm của Bên B được Bên B quản lý và là nơi mà Bên B sử dụng để nhận, giao hoặc trả Sản Phẩm.
“Warehouse” means a place which stores the Product of Party B and is managed by Party B and Party B utilizes to receive, deliver or return the Product.

“Ngày thanh toán” là ngày dương lịch mà Bên B sẽ thực hiện việc thanh toán cho Bên A hoặc Bên A sẽ thanh toán cho Bên B. Nếu ngày thanh toán rơi vào ngày nghỉ lễ, hoặc ngày không làm việc, thì ngày thanh toán sẽ là ngày làm việc tiếp theo sau.

“Payment date” means the calendar day that Party B shall make a payment to Party A or Party A shall make a payment to Party B. If the Payment date falls on the holidays or the non-business days, the succeeding business day shall be the Payment date.

“Số tiền phải thanh toán” là số tiền mà Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A theo số lượng Sản Phẩm mà Bên B mua/bán được.

“Payable amount” means the amount that Party B shall settle the payment for Party A based on the Product which was bought/sold by Party B.

“Số tiền giảm trừ” là mọi khoản hoa hồng bán hàng, chiết khấu, tiền thưởng, ưu đãi hoặc giảm giá hoặc chi phí cho khuyến mại, đóng gói, nguyên vật liệu đóng gói, vận chuyển và phí sản xuất chương trình và các chi phí phát sinh khác mà các Bên có thể thỏa thuận và quy định cụ thể trong phụ lục hợp đồng hoặc thỏa thuận khác.

“Deducted amount” means any applicable commissions, discounts, incentives or rebates or expenses for promotion, packaging, packaging material, transportation and broadcasting production fee and other fees, which may be agreed between the Parties and set forth in the appendix and other agreements.

“Chu kỳ bán hàng” đối với giao dịch ký gửi là khoảng thời gian cố định được xác định nhằm mục đích cho các Bên kết số, tính toán số lượng Sản Phẩm bán được, số lượng Sản Phẩm trả lại, số tiền giảm trừ, và số tiền phải thanh toán cho từng chu kỳ bán hàng đó. Chu kỳ bán hàng được nêu tại **Thỏa Thuận Thương Mại**.

“Selling period” for the consignment transaction means the fixed period as set out in order that Parties execute the account, calculation for sales volume, returned volume, deducted amount, and payable amount occurred in such Selling period. Selling period is mentioned in the Trading Term Agreement.

“Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ” là chứng từ tạm thời do Bên A phát hành cho Bên B khi Bên A tiến hành ký gửi Sản Phẩm theo đơn hàng của Bên B.

“Delivery note and internal transfer form” means a temporary document which is issued by Party A to Party B when Party A consigns the Product to the warehouses of Party B under the Party B’s Purchase Order.

“Ngày kết số” đối với giao dịch ký gửi là ngày cuối cùng của mỗi Chu kỳ bán hàng, là ngày hai Bên sẽ tổng hợp số lượng Sản Phẩm bán được, số lượng Sản Phẩm trả lại, số tiền giảm trừ và số tiền phải thanh toán trong từng chu kỳ bán hàng đó.

“Accounting date” for consignment transaction means the last day of each Selling period, both Parties shall calculate sales volume, returned volume, deducted amount and the payable amount in such Selling period.

“Bên” nghĩa là Bên A hoặc Bên B, và “Các Bên” nghĩa là Bên A và Bên B.

“Party” means Party A or Party B, and “the Parties” means Party A and Party B.

1.2 Diễn giải Interpretation

Trong Hợp đồng này, trừ khi ngữ cảnh có yêu cầu khác:
In this Contract, unless the context otherwise requires:

Các từ chỉ số nhiều cũng bao gồm số ít và ngược lại;
Plural words are also the singular and opposite;

Các từ “khác”, “bao gồm/kể cả” và “cụ thể/đặc biệt” không làm giới hạn tính tổng quát của bất kỳ từ nào đứng trước và không được hiểu là bị giới hạn trong cùng loại với từ đứng trước nếu có thể hiểu theo một nghĩa rộng hơn.

Words such as “other”, “include/including” and “specific/particular” shall not limit the generality of their preceding word and shall not be understood to limit the same category of their preceding word if a broader meaning can be adopted.

ĐIỀU 2: MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI HỢP ĐỒNG

ARTICLE 2: OBJECTIVE AND SCOPE OF THE CONTRACT

2.1 Hợp Đồng này quy định những nguyên tắc, điều khoản và điều kiện chung của giao dịch mua bán/ký gửi hàng hóa giữa Bên A và Bên B. Hợp Đồng này sẽ là một hợp đồng nguyên tắc áp dụng chung cho tất cả các giao dịch của Các Bên phát sinh trong suốt thời gian có hiệu lực của Hợp Đồng.

This Contract sets out the principle, the general terms and conditions of the selling/consignment transaction between Party A and Party B. This Contract is a principal agreement and applied for all transactions of the Parties that arise during the validity of the Contract.

2.2 Bên A và Bên B sẽ ký kết phụ lục hợp đồng để cụ thể và chi tiết hàng hóa giao dịch mua bán/gửi bán tương ứng với từng nhóm Sản Phẩm vào từng thời điểm cụ thể.

From time to time, Party A and Party B shall enter into the appendix to clearly set out the purchasing/consignment transaction for each group of Product.

2.3 Cẩm Nang Nhà Cung Cấp hoặc các cẩm nang khác được Bên B cung cấp cho Bên A, tất cả các tài liệu này sẽ cấu thành một văn kiện và được xem là phần không tách rời của Hợp Đồng này.

Supplier Manual or other manuals provided by the Party B to Party A, all materials shall be constituted one instrument and considered as an integral part of this Contract.

ĐIỀU 3: ĐƠN HÀNG VÀ HÓA ĐƠN

ARTICLE 3: PURCHASE ORDER AND INVOICE

3.1 Đơn hàng

Purchase Order

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về tên hàng hóa, quy cách, số lượng đặt hàng, thời gian và địa điểm giao hàng cho từng Đơn hàng bằng văn bản hoặc bằng phương tiện điện tử (EDI). Bên B khuyến khích việc sử dụng Supplier Portal của Bên B là phương tiện cho các Đơn hàng. Đơn hàng sẽ là phần không tách rời của Hợp Đồng này. Mẫu Đơn hàng sẽ do Bên B quyết định duyệt theo từng thời điểm. Đơn hàng sẽ được xem như được Bên A chấp nhận tính từ lúc Bên A nhận được đơn hàng, trừ khi Bên A có phản hồi từ chối/thay đổi/xác nhận nội dung đơn hàng trong thời gian thỏa thuận giữa hai Bên.

Party B has the responsibility to inform Party A about the Goods' brand, specifications, quantity, delivery time and location for each Order in writing or electronic means (EDI). Party B encourages using Supplier Portal as the tool for the Order placed by Party B. The Order will be an integral part of this Contract. Form of Order will be decided by Party B from time to time. The Order shall be deemed to have been accepted by Party A from the receipt date of Orders, unless Party A rejects/changes/confirms the order within agreed period.

3.2 Hóa đơn

Invoice

3.2.1 Hóa đơn phải phù hợp với pháp luật hiện hành và những điều khoản trong Hợp Đồng này. Trên hoá đơn Bên A xuất cho Bên B cần điền mã Đơn hàng để thuận tiện cho việc ghi nhận công nợ và thanh toán đúng hạn.

Invoices must comply with applicable laws and the provisions set out in this Contract. On the invoice that Party A issues to Party B, it is necessary to fill in the Purchase Order Code to facilitate the recording of debts and payment on time.

3.2.2 Trong trường hợp số lượng giao hàng thực tế thấp hơn hoá đơn Bên A đã xuất và đã quá thời gian bổ sung hàng hóa theo quy định tại **Thỏa Thuận Giao Hàng và Vận Hành** thì Bên A phải điều chỉnh hoá đơn theo đúng số lượng thực tế để Bên B tiến hành thanh toán hoặc Bên B sẽ xuất trả hoá đơn phần chênh lệch với số lượng điều chỉnh là số hàng giao thiếu và giá cả như trên hoá đơn gốc.

*In case the actual delivery quantity is lower than the invoice issued by Party A and the time for replenishment of goods has been exceeded as prescribed in **Delivery and Operation Agreement**, Party A must adjust the invoice according to the actual quantity to Party B processing payment or Party B will invoice the difference with the adjusted quantity being the number of missing goods and the price as on the original invoice.*

ĐIỀU 4: ĐÓNG GÓI, GIAO HÀNG, GIAO HÀNG LUÂN CHUYỀN, VÀ CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU **ARTICLE 4: PACKAGING, DELIVERY, PRE-ALLOCATE CROSS DOCKING DELIVERY AND PASSING OF THE TITLE OF OWNERSHIP**

4.1 Đóng gói **Packaging**

4.1.1 Bên A chịu trách nhiệm thực hiện chuẩn đóng gói Sản Phẩm đúng theo quy cách và tiêu chuẩn theo quy định của Bên B nhằm đảm bảo Sản Phẩm được giao cho khách hàng trong tình trạng an toàn và vệ sinh.
Party A is responsible for packing the Product under the specification and standard in compliance with Party B's requirement for ensuring the Product is delivered to the customer in safe and good sanitary condition.

4.1.2 Bên B sẽ xác định quy cách đóng gói cho từng Sản Phẩm và Bên A phải đóng gói Sản Phẩm theo các tiêu chuẩn yêu cầu bởi Bên B.
Party B shall determine packaging specifications for each Product and Party A shall perform to pack the Product under the packaging standard which is approved by Party B.

4.2 Giao hàng **Delivery**

4.2.1 Bên B phải đảm bảo giao đầy đủ về số lượng hàng hóa theo đúng yêu cầu trong Đơn đặt hàng. Trong trường hợp giao từng phần, Bên A phải thông báo bằng văn bản và được sự đồng ý của Bên B mới được giao bù. Thời gian giao bù theo thỏa thuận các bên nhưng tối đa không quá bảy (07) ngày kể từ lần giao hàng đầu tiên của Đơn hàng.
Party B ensures to deliver the full amount of goods as required in Purchase Order. In case of partial delivery, Party A must inform in writing and get consent by Party B to be able to deliver the missing goods. The delivery time of such goods is agreed by the Parties but no more than 7 (seven) days from the first delivery of Purchase Order.

4.2.2 Trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản, Bên A sẽ tự chịu mọi chi phí liên quan đến việc vận chuyển và giao hàng và mọi rủi ro trong suốt thời gian từ khi vận chuyển hàng cho đến khi được Bên B chính thức tiếp nhận, bao gồm chi phí đóng gói, lưu kho và vận chuyển.
Unless otherwise the Parties agree in writing, Party A shall bear risks and delivery/transport costs from the place of destination until the actual acceptance by Party B, including all expenses of packaging, storage and transportation.

4.2.3 Trong thời hạn giao hàng do Các Bên thỏa thuận, Bên A phải giao Sản Phẩm và bốc dỡ Sản Phẩm tại địa điểm do Bên B chỉ định. Bên A phải giao hàng theo ngày và thời điểm đã xác nhận theo Đơn hàng. Bên B không có nghĩa vụ phải chấp thuận ngày và/hoặc thời điểm giao hàng khác với ngày và thời điểm đã xác nhận theo quy định tại Hợp đồng này. Việc giao hàng sớm hoặc chậm hơn ngày và/hoặc thời điểm giao hàng đã xác nhận hay việc giao từng phần chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên B. Không ảnh hưởng đến bất kỳ yêu cầu đòi bồi thường nào khác về tổn thất do việc không giao hàng, Bên B có quyền hủy toàn bộ hoặc một phần Đơn hàng và có quyền từ chối nhận Sản Phẩm đã giao.
Within the period of delivery as agreed by the Parties, Party A shall deliver and unload the Product at the location as designated by Party B. Party A shall deliver the Products according to the date and time stated in the Purchase Order or the Valid Purchase Order. Party B is not obligated to accept the change of confirmed

delivery date and/or time. Early or delayed deliveries or partial shipment shall be done only if there is a written consent from Party B. Without prejudice to any compensation claim for loss occasioned by default, Part B is entitled to cancel the Orders in full or in part and has the right to refuse the delivered Product.

4.2.4 Căn cứ theo các quy định hiện hành, Bên A chịu trách nhiệm thực hiện việc dán hoặc đính kèm các thông tin Sản Phẩm, bao gồm nhưng không giới hạn nguồn gốc xuất xứ, lưu ý khi sử dụng, hướng dẫn sử dụng, mã số và mã vạch hoặc các nhãn hàng hóa, bao gồm nhãn phụ (nếu có). Trong trường hợp đối với các Sản Phẩm yêu cầu ghi/dán nhãn hàng hóa mà Bên A không thực hiện đúng quy định, Bên B có thể từ chối nhập kho Sản Phẩm đó. Việc chấp nhận nhập kho Sản Phẩm không miễn trừ các trách nhiệm của Bên A liên quan đến việc dán/ghi nhãn hàng hóa theo quy định pháp luật.

Based on the current laws and regulations, Party A is responsible for attaching or inserting all relevant information of the Product including but not limited to the origin, recommendation, user's manual, code number and barcode label and goods labels, including supplementary label (if any). If there is any request to do label of the Product but Party A fails to execute by the law, Party B may refuse to store the Product in the warehouse. In any cases, the acceptance of storing the Product shall not waive any responsibility of Party A in respect to do labels of the Product by law.

4.2.5 Trong trường hợp Bên A giao Sản Phẩm bao gồm quà tặng đi kèm thì Bên A phải giao Sản Phẩm và quà tặng cùng thời điểm. Nếu có sự chênh lệch giữa số lượng Sản Phẩm và quà tặng đi kèm hoặc Bên A không giao Sản Phẩm và quà tặng trong cùng thời điểm thì Bên B có thể từ chối nhận Sản Phẩm. Trong trường hợp này, Bên A không đáp ứng được thời hạn giao Sản Phẩm nêu trong Đơn hàng, Bên A sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho việc chậm trễ đó và đồng thời giao lại cho đúng số lượng Sản Phẩm và quà tặng đi kèm trong thời hạn mà Các Bên thỏa thuận nhưng tối đa không quá bảy (07) ngày.

If Party A delivers the Product with gifts, Party A must deliver the Product and gifts at the same time. If there is any different quantity between Product and enclosed gift or Party A fails to deliver the Product and gift at the same time, Party B may refuse to accept the Product. In this event, Party A fails to adapt the delivery time as stated in the Purchase Order, Party A shall be liable to pay the compensation for the delay and deliver the full quantity of Product and gift as agreed by both Parties but no more than seven (07) days.

4.2.6 Nếu Sản Phẩm do Bên A giao không đúng với Đơn hàng hoặc không phù hợp với các nội dung nêu trong tài liệu thông tin Sản Phẩm hoặc khác với Sản Phẩm mẫu cung cấp cho Bên B trước đó hoặc số lượng hàng lỗi vượt quá 2%, Bên B được quyền trả toàn bộ đơn hàng hoặc trả số lượng hàng không phù hợp/bị lỗi và yêu cầu Bên A giao bù hàng tương ứng. Bên A phải đến nhận lại hàng tại địa điểm lưu kho của Bên B, giao bù hàng cho Bên B (tùy theo yêu cầu của Bên B) trong thời hạn mà hai Bên thỏa thuận nhưng tối đa không quá bảy (07) ngày kể từ lần giao hàng đầu tiên của Đơn hàng. Nếu vì lý do này mà Bên A không đáp ứng được thời hạn giao Sản Phẩm theo thỏa thuận, thì phải chịu trách nhiệm cho việc chậm trễ đó.

If the delivered Product is not consistent with the Product's specification document or is different from the samples already provided by Party A to Party B or the quantity of defective goods exceeds 2% of the ordered quantity, Party B is entitled to return the entire Purchase Order or return quantity of such Product and request Party A to deliver the goods corresponding to the number of defective goods within periods as agreed by both Parties but no more than seven (07) days from the first delivery time. If for this reason, Party A fails to deliver as the schedule set out in the Purchase Order, Party A shall be liable for such delay.

4.2.7 Đối với Sản Phẩm ký gửi, Bên A cũng sẽ cung cấp cho Bên B Phiếu xuất kho kiểm vận chuyên nội bộ (Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý) khi thực hiện giao hàng để ký gửi Sản Phẩm tại kho hàng của Bên B.

For consigned Products, Party A hereby agrees to provide the delivery note and internal transfer form (Bill of goods sent agencies) when delivering the Product to the warehouse of Party B.

4.2.8 Trường hợp Các Bên có thỏa thuận về đồng kiểm, Các Bên đồng ý áp dụng mức phí theo chính sách giá có hiệu lực tại thời điểm thực hiện đồng kiểm của Bên B.

In case both Parties have agreed simultaneous inspection of Products, both Parties agree to apply the fee policy in force at the checking time of Party B.

4.2.9 Trường hợp Bên A có yêu cầu Bên B thực hiện vận chuyển Sản Phẩm từ địa điểm kho Bên A giao đến địa điểm kho nhận hàng được chỉ định theo Đơn hàng của Bên B thì các bên xác nhận rằng Bên B đang cung cấp thêm hoạt động vận chuyển cho Bên A theo chính sách giá và điều khoản vận chuyển của Bên B có hiệu lực tại thời điểm xác nhận thực hiện việc vận chuyển này.

In case Party A requests Party B to transport the Products from the location where Party A delivers the Products to the location of warehouse mentioned in the Order of Party B, both Parties understand and agree that Party B is providing a transportation activity to Party A in accordance with the price policy and transportation terms and conditions of Party B in force at the time of service confirmation.

4.3 **Giao hàng luân chuyển**

Pre-Allocated Cross docking delivery

Trường hợp Bên A không giao hàng trực tiếp đến địa chỉ được chỉ định trên Đơn hàng của Bên B mà chỉ giao hàng đến các địa điểm trong **Danh sách các địa điểm giao hàng thỏa thuận** thì Các Bên xác nhận rằng Bên B hỗ trợ vận chuyển cho Bên A và Bên A sẽ chịu chi phí này và xem là khoản phí Hỗ trợ vận chuyển hàng tháng.

*In case Party A fails to directly deliver an appointed address in the Orders of Party B, which deliver to **List of aligned delivery location**, the Parties confirm that Party B shall support delivery to Party A and Party A will incur a fee as the Transportation support.*

4.4 **Chuyển quyền sở hữu**

Passing the ownership rights

Không phụ thuộc vào bất kỳ quyền từ chối nào mà Bên B có theo Hợp Đồng này ngoại trừ việc bảo lưu quyền sở hữu trong phạm vi kinh doanh thông thường thì quyền sở hữu Sản Phẩm sẽ chuyển sang cho Bên B vào thời điểm giao hàng. Tuy nhiên, việc hoàn tất này không miễn trừ các trách nhiệm của Bên A liên quan đến những thiệt hại do Sản Phẩm của Bên A gây ra. Nếu Bên B hoặc khách hàng của Bên B bị thiệt hại do Sản Phẩm của Bên A gây ra, thì Bên A phải bồi thường cho Bên B và khách hàng liên quan đến các thiệt hại đó.

The ownership right of the Product shall pass to Party B at the time of delivery without prejudice to any right of rejection which Party B may have under this Contract and save for a retention of right within ordinary scope of trade. Nevertheless, such completion shall not waive any responsibility of Party A for the damage due to the defects of the Product. If Party B or its customers bear any damage due to the defects of the Product, Party A shall compensate Party B and its customers for such damage.

ĐIỀU 5: HẠN SỬ DỤNG, BẢO HÀNH, ĐỔI VÀ TRẢ HÀNG **ARTICLE 5: THE EXPIRY DATE, WARRANTY, CHANGE AND RETURN**

5.1 **Hạn sử dụng còn lại tối thiểu**

Minimum remaining lifetime of Product

Bên A phải giao cho Bên B Sản Phẩm có hạn sử dụng còn lại tối thiểu là hai phần ba (2/3) đối với Sản Phẩm sản xuất trong nước và một phần hai (1/2) đối với Sản Phẩm sản xuất ở nước ngoài được tính kể từ ngày Sản Phẩm được giao đến địa điểm của Bên B. Bên B và Bên A có thể thỏa thuận bằng văn bản về một thời hạn sử dụng còn lại khác với quy định trên.

Party A agrees to deliver to Party B Product with the retaining shelf life at least two third (2/3) of the total expiry period domestic Product or on twice (1/2) of the total expiry period of imported Product has not yet expired on the date which Products are delivered to Party B's location. Party B and Party A may agree to a different remaining usage period in writing.

5.2 **Bảo hành đối với Sản Phẩm**

Warranty period of the Product

5.2.1 Đối với Sản Phẩm có chế độ bảo hành, Sản Phẩm sẽ được bảo hành theo chế độ của nhà sản xuất theo tem bảo hành đính kèm với Sản Phẩm và/hoặc theo chính sách bảo hành của Bên A dành cho người tiêu dùng. Kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của Bên B, Bên A cam kết, bằng chi phí sẽ thực hiện việc bảo hành Sản Phẩm hoàn tất trong thời hạn đã thỏa thuận với Bên B.

If the Products have its own warranty, Products shall be warranted pursuant to the Producer's warranty policy in accordance with the warranty slip attached to the Products and/or will pursuant to Party A's policy for consumers. upon receiving Party B's request Party A committed the completed process, by its sole expenses shall warranty Products within the agreed period.

- 5.2.2 Trong thời hạn bảo hành, khi Bên A không có hàng cùng chủng loại để đổi cho Bên B khi Sản Phẩm bị lỗi kỹ thuật, lỗi do nhà sản xuất thì Bên B có quyền trả hàng và Bên A phải cân trừ công nợ cho Bên B đối với giá trị Sản Phẩm bị trả này.

In the warranty period, if Party A does not have Products in the same category to change for Party B when the Products have technical faults or producer's faults, Party B has the rights to return the Products and Party A has to clear the debt for Party B on the value of the returning Products.

5.3 **Đổi và trả hàng** **Change and Return**

- 5.3.1 Bên A cam kết, bằng trách nhiệm và nguyên tắc đạo đức của mình, sẽ thông báo ngay lập tức cho Bên B về bất kỳ lỗi nào đối với Sản Phẩm đã giao cho Bên B và bằng chi phí của mình sẽ tiến hành đổi và/hoặc nhận lại Sản Phẩm. Kể từ thời điểm Bên A phát hiện ra lỗi, việc đổi và/hoặc nhận lại Sản Phẩm sẽ tiến hành trong thời hạn đã thỏa thuận với Bên B.

Party A warrants that, by Party A's responsibility and ethical principles, will immediately notify Party B about any faults of the Product delivered to Party B and at its sole expense. If Party A discovers such faults, Party A will perform the process of changing or returning the Product within the agreed period.

- 5.3.2 Với các Sản Phẩm khó bán và/hoặc bán chậm và/hoặc sắp hết hạn sử dụng và/hoặc phát sinh lỗi/hư hỏng không phải do lỗi của Bên B, Bên B tiến hành đổi/trả sản phẩm cho Bên A theo **Thỏa Thuận Thương Mại**.

*If the Products are sold hardly and/or slowly and/or nearly expiry date and/or there is any defect/damage of Product without any Party B's fault, Party B change/return Product to A as **Trading Term Agreement**.*

- 5.3.3 Đối với hình thức hàng gửi bán, sau khi kết thúc Chu kỳ bán hàng, nếu Sản Phẩm ký gửi không bán được, chưa bán được, Bên B có quyền yêu cầu Bên A nhận lại Sản Phẩm ký gửi đó và Bên A phải nhận lại Sản Phẩm ký gửi đang lưu kho của Bên B mà không bán được/chưa bán được theo thời gian thỏa thuận. Trường hợp quá thời hạn nhận lại sản phẩm trả lại nhưng Bên A không đến Kho Bên B nhận hàng, thu hồi sản phẩm, thì được hiểu là Bên A đồng ý từ bỏ quyền sở hữu cũng như chấm dứt quyền sở hữu của Bên A đối với mọi tài sản của Bên A tại kho của Bên B và không có bất kỳ khiếu nại nào. Khi đó Bên B có toàn quyền của chủ sở hữu để xử lý, bán, thanh lý mọi hàng hóa, tài sản của Bên A tại kho của Bên B. Số tiền thu được (nếu có) sau khi khấu trừ các chi phí di dời, lưu kho, chi phí bán hoặc chi phí phát sinh hợp lý khác sẽ được dùng để thanh toán các khoản nợ của Bên A, số tiền còn lại (nếu có) sẽ được Bên B hoàn trả cho Bên A.

For Consignment transaction, after the Selling period, if the Products can't sell, Party B is entitled to require Party A to take such consigned Products and Party A must receive such Product at the Party B's warehouse in the agreed period. In case Party A does not collect the returned goods at Party B's warehouses, it is understood that Party A agrees that it is giving up ownership and terminating the ownership and use rights of Party A to all Party A's assets at Party B's warehouse and having no dispute. At the time, Party B had all rights of the owner to handle, sell, and liquidate all goods and assets of Party A at Party B's warehouse. The amount of money collected (if any) after deducting relocation, storage, selling expenses or other reasonable expenses will be used to pay the debts of Party A, the remaining amount (if any) will be refunded by Party B to Party A.

- 5.3.4 Trong trường hợp lỗi của Sản Phẩm làm phát sinh các thiệt hại về tài sản hoặc sức khỏe của khách hàng, Bên B sẽ thông báo ngay cho Bên A và đồng thời Bên B sẽ thay mặt Bên A tiến hành các biện pháp khắc phục thì Bên A phải thanh toán đầy đủ các chi phí đó cho Bên B. Để tránh nhầm lẫn, bất kể các quy định tại Điều này, nếu Bên A không thực hiện đúng các thỏa thuận trên gây ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng và khách hàng có khiếu nại về việc đổi, trả hoặc bảo hành Sản Phẩm lỗi, Bên B có quyền thay thế Sản Phẩm mới cho khách hàng để đảm bảo uy tín của Bên B đối với khách hàng và Bên A phải thanh toán lại chi phí đó cho Bên B.

In the event of the errors of the Product causing the loss of property or customer's health, Party B shall immediately inform Party A and at the same time Party B shall quickly perform to remedy the loss, and Party A

shall pay the remedial costs to Party B. For avoidance of doubt, notwithstanding the foregoing, if Party A fails to perform the agreement as mentioned above caused by the impact on customer's interest and if the customer makes a claim of exchange, return or warranty of the defective Product. Party B is entitled to replace the new Product to the customer to ensure Party B's reputation with the customer and Party A shall return such cost to Party B.

5.3.5 Sau khi thu hồi lại Sản Phẩm do lỗi của Bên A từ khách hàng, Bên B có quyền yêu cầu Bên A nhận về hoặc đổi Sản Phẩm và Bên A phải thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình đổi trả Sản Phẩm. Sản Phẩm trả lại cho Bên A sẽ không phụ thuộc vào tình trạng Sản Phẩm được đóng gói ban đầu.

After collecting the Product due to Party A's fault from Customer, Party B is entitled to request Party A to collect or change the Product and pay for the expenses incurred during the return and exchange of the Product. The right of Party B to return Products to Party A shall not be subject to the Product being originally packaged.

5.4 Chi phí vận chuyển Sản Phẩm trả lại cho Bên A **Costs of delivery returned product to Party A**

5.4.1 Bên A sẽ đến kho của Bên B để nhận sản phẩm trả lại và Bên A sẽ tự thanh toán hoàn toàn chi phí này.
Party A will have to go to Party B's warehouse to receive the returned goods and Party A paid for these costs.

5.4.2 Trường hợp quá thời hạn nhận lại hàng nhưng Bên A không đến Kho Bên B nhận hàng, Bên A sẽ chịu mức phí quá hạn lưu kho theo thỏa thuận.

In case Party A does not collect the returned goods at Party B's warehouses, after the time limit for receiving the goods, Party A shall pay the overdue storage fee as agreed.

ĐIỀU 6: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG **ARTICLE 6: PENALTY FOR BREACH OF CONTRACT**

6.1 Trường hợp giao hàng chậm **Late Delivery**

Nếu Bên A không giao hàng đúng thời hạn quy định ngoại trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có thỏa thuận bằng văn bản khác, Bên A sẽ bị phạt vi phạm bằng 8% giá trị hàng giao chậm.

If Party A fails to deliver the goods on time, excluding Force Majeure events or other written agreements, Party A shall be fined for violation equal to 8% of the late delivery goods amount.

6.2 Trường hợp giao thiếu hàng **Insufficient Quantity Delivery**

Nếu Bên A không giao đủ hàng cho Bên B theo số lượng trên đơn hàng (PO) và tỷ lệ cam kết dư hàng ngoại trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có thỏa thuận bằng văn bản khác, Bên A sẽ bị phạt vi phạm bằng 8% giá trị hàng bị thiếu.

If Party A fails to deliver the goods as the quantity in the Purchase Order (PO) and the Efficient goods rate, excluding Force Majeure events or other written agreements, Party A shall be fined 8% of the insufficient goods amount.

6.3 Trường hợp giao hàng giả, hàng nhái **Fake Goods**

Nếu hàng hóa/sản phẩm của Bên A vi phạm quy định pháp luật về hàng giả, hàng nhái, quyền sở hữu trí tuệ, Bên A sẽ phải trả lại số tiền mà Bên B đã thanh toán cho hàng đó (nếu có) và sẽ chịu khoản phạt vi phạm Hợp Đồng, mức phạt bằng 8% giá trị hàng hóa bị vi phạm.

If the goods/ products of Party A violate the provisions of law on fake goods, counterfeit goods, intellectual property rights Party A shall refund the amount Party B the payment for such goods (if any) and shall be fined 8% of the violated goods amount.

6.4 Trường hợp vi phạm khác (nếu có) **Other violations (if any)**

Các trường hợp vi phạm khác theo quy định của pháp luật, Bên A sẽ bị phạt vi phạm 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.

In other cases of violation as prescribed by law, Party A will be fined 8% of the value of the breached obligation.

ĐIỀU 7: GIÁ MUA, GIÁ BÁN, THAY ĐỔI GIÁ MUA VÀ THANH TOÁN **ARTICLE 7: PURCHASE PRICE, SELLING PRICE, PURCHASE PRICE CHANGE AND PAYMENT**

- 7.1 Theo nguyên tắc, giá cả và những điều khoản thanh toán cụ thể, bao gồm thời hạn thanh toán được quy định trong **Thỏa Thuận Thương Mại** được ký kết hoặc sẽ được ký kết giữa các bên. Nếu **Thỏa Thuận Thương Mại** được ký kết, nó sẽ được áp dụng đối với mọi đơn hàng.
As a principle, prices and specific payment terms, including the duration for payment, are set forth in the Trading Term Agreement concluded or to be concluded among the Parties on a regular basis. If the Trading Term Agreement is in place, it shall be applicable to all the orders.
- 7.2 Bên A đảm bảo không cung cấp cho Bên B giá và các điều kiện bán hàng ít ưu đãi hơn so với các bên thứ ba khác có hoạt động kinh doanh tương tự.
Party A ensures not to give the Product selling price and selling conditions less favorable to Party B in comparison to the third party having the same business activities.
- 7.3 Trong mọi trường hợp, Bên B sẽ quyết định giá bán một cách độc lập. Bất kỳ thông tin nào được tiết lộ bởi Bên B, bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về giá bán tại thời điểm và phạm vi khuyến mãi, sẽ không được sử dụng để làm phương hại đến Bên B, mà phải được sử dụng hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật đặc biệt là luật cạnh tranh. Những thông tin này chỉ có thể được chia sẻ trong nội bộ với những nhân viên cần được biết nhằm phục vụ cho những mục đích chính đáng và hợp pháp.
Party B must remain free at all times to independently set its resale price. Any information disclosed by Party B, such as but not only current or future resale prices as well as timing and scope of promotions, must not be used to Party B's detriment but in full compliance with law in particular competition law. Such information may only be shared internally with staff that needs to know for legitimate purposes.
- 7.4 Đối với Giao dịch ký gửi: Cuối mỗi Chu kỳ Bán hàng, căn cứ vào số lượng Sản phẩm thực tế đã bán cho Bên B, Bên B yêu cầu Bên A xuất hóa đơn gồm thuế giá trị gia tăng phù hợp theo Giá bán như đã thỏa thuận của các Bên. Giao dịch đạt điều kiện đưa vào chu kỳ đối soát: là các giao dịch thực bán (có trạng thái đơn hàng giao hàng thành công) trừ các giao dịch đổi trả hàng trong kỳ.
At the end of each Selling period, based on the actual quantity of the Product which is sold to Party B, Party B shall request Party A to issue the proper VAT invoice in accordance with the Selling Price under the mutually agreed by the Parties. Transactions eligible for the reconciliation cycle are transactions that actually occur (with a status of successful delivery), excluding exchange and return transactions in the same period.
- 7.5 Bên B chỉ tiến hành thanh toán cho Bên A trong trường hợp Bên A đã hoàn tất việc giao hàng đối với Đơn hàng. Trường hợp Đơn hàng giao nhiều lần, Đơn hàng được coi là hoàn tất khi Bên B nhận đúng sản phẩm, đủ số lượng theo Đơn hàng và đảm bảo chất lượng trừ trường hợp 2 bên có thỏa thuận khác.
Party B will proceed payment to Party A only when Party A has completed the delivery of the Purchase Order. For a Purchase Order that is delivered several times, it is considered as completion when Party B receives the right products, with full quantity according to the Purchase Order and ensuring quality standards, unless otherwise agreed by the two parties.
- 7.6 Mọi chi phí ngân hàng (nếu có) của bên nào thì bên đó sẽ chịu trách nhiệm thanh toán. Nếu có bất cứ sự thay đổi thông tin tài khoản ngân hàng, Bên A sẽ phải gửi thông báo bằng văn bản tới Bên B.
Both parties agree that all bank charges (if any) will be paid by each party. Both parties agree that if there is any change of bank information as above mentioned, Party A has to notify Party B in written form.

ĐIỀU 8: CAM KẾT VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A **ARTICLE 8: COMMITMENT AND OBLIGATION OF PARTY A**

- 8.1 Nghĩa vụ đảm bảo Sản Phẩm
Obligation of ensuring the Product

8.1.1 Đảm bảo Bên A là bên phân phối Hàng Hóa hợp pháp trên thị trường Việt Nam. Bên A có mọi giấy phép cần thiết về sản xuất và phân phối Sản Phẩm và có quyền định đoạt Sản Phẩm không phụ thuộc vào quyền của bất kỳ bên thứ ba nào trừ khi quyền sở hữu được bảo lưu trong phạm vi kinh doanh thông thường.

To ensure that the Party A is the legally distributor of Goods in Vietnam's Market. Party A possesses all required licenses for the production and sale of the Product and can dispose of the Product free of any third parties' rights save for a retention of title within the ordinary scope of trade.

8.1.2 Bên A chịu trách nhiệm về mọi vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn chất lượng, khiếm khuyết, số lượng của Sản Phẩm cũng như trách nhiệm bảo hành Sản phẩm mà các vấn đề đó phát sinh không do lỗi của Bên B

Party A shall be responsible for all related problems regarding quality standard, defects and quantity defects of the Product as well as the warranty obligation that such issues arise out of without Party B's fault.

8.1.3 Mọi thứ thuế hải quan, thuế, phí và lệ phí liên quan đến Sản Phẩm đều đã trả xong

All custom duties, taxes, levies and fees payable on the Product have been paid

8.2 Nghĩa vụ cung cấp thông tin và dữ liệu Sản Phẩm

The obligation of providing the information and data of the Product

8.2.1 Bên A phải cung cấp chính xác, trung thực và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tất cả các giấy chứng nhận đạt chất lượng, giấy phép nhập khẩu, giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, các giấy phép khác có liên quan, tài liệu, chứng từ, thông tin về các Sản Phẩm mà Bên A yêu cầu sử dụng cho mục đích kiểm tra chất lượng Sản Phẩm cũng như cho việc sản xuất Chương trình mua sắm tại nhà và các hoạt động bán Sản Phẩm. Nếu các thông tin liên quan ở dạng bản sao thì Bên A phải đóng dấu xác nhận hoặc chứng thực hoặc công chứng tại Cơ quan có thẩm quyền.

Party A shall provide truthfully and accurately and take any responsibility regarding the accurately information of all certifications of quality satisfaction, certificate of origin, import permit, other relevant permits, documents, materials, information about Product as requested by Party A for verifying the Product's quality and shooting the home shopping program and for the sales activities arise out of selling the Product. If the relevant information in the form of copies of Party A shall be stamped and certified or notarized by governmental authority.

8.2.2 Cung cấp cho Bên Mua bất kỳ thông tin liên quan đến các Hàng Hóa (nếu có), bao gồm nhưng không giới hạn, bảng danh mục, bảng báo giá, hình ảnh, nguồn gốc, chức năng, sử dụng và các thông tin liên quan khác, hóa đơn tài chính và các chứng từ giao hàng theo yêu cầu của Bên Mua tối đa trong vòng 24 tiếng kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của Bên Mua. Trong trường hợp là Sản Phẩm nhập khẩu từ nước ngoài. Bên A phải cung cấp cho Bên B các tài liệu có liên quan đến việc nhập khẩu (như giấy phép nhập khẩu hoặc chấp thuận nhập khẩu và các giấy tờ liên quan đến sự cho phép phân phối, cung cấp Sản Phẩm...).

Provide Purchaser any information in relevant to the Goods (if any), including but not limited to category table, quotation, pictures, origin, function and other related information, finance invoices, delivery documents at the request of the Purchaser in maximum 24 hours upon receiving the request of the Purchaser. In case there is any imported Product, Party A shall provide Party B with any evidential documents related to importing (such as an import license or import permit and other documents related to distribution license, etc.).

8.2.3 Bên A sẽ thông báo lập tức cho Bên B bằng văn bản về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến các thông tin đã cung cấp cho Bên A. Bên B hoàn toàn không chịu trách nhiệm về bất kỳ vấn đề hoặc tổn thất nào do Bên A gây ra vì Bên A đã thông báo không hợp lệ cho Bên B những thay đổi đó.

Party A shall immediately inform Party B in writing of any change regarding the data submitted to the Company. Party A hereby agrees that Party B shall by no means be held responsible for any problems or losses that may be caused by the Party A's failure to inform the Party B duly about any such changes.

8.3 Nghĩa vụ bảo mật thông tin

The obligation of Confidentiality

Tất cả mọi thông tin theo Hợp Đồng này, và những thông tin được cung cấp từ Bên này cho Bên kia (và ngược lại), bất kể được cung cấp theo hình thức hay phương thức nào đều được coi là thông tin mật (sau đây gọi chung là "Thông Tin Mật"). Những Thông Tin Mật này sẽ được bảo lưu và bảo vệ một cách cẩn mật nhất, và được sử

dung theo những mục đích hợp tác của Các Bên theo Hợp Đồng này. Mỗi Bên có trách nhiệm bảo vệ các Thông Tin Mật khỏi bất kỳ sự xâm phạm của một bên thứ ba nào, và sẽ không cung cấp cho bên thứ ba đó bất kỳ một Thông Tin Mật nào trong thời gian còn hiệu lực và sau thời hạn của Hợp Đồng này (khi thời hạn của Hợp Đồng đã chấm dứt, hoặc ngay cả khi các Bên không còn duy trì quan hệ hợp tác) trừ khi có sự thỏa thuận khác. Ngoại trừ việc cung cấp Thông Tin Mật là cần thiết theo quy định của pháp luật, tòa án, hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam có liên quan.

All the information under this Contract, and the information provided by one Party to the other Party (and vice versa), regardless provided by any methods is considered confidential information (hereinafter called in general "Confidential Information"). This Confidential Information shall be reserved and protected the most precautionous way and used for the purposes of cooperation of the Parties under this Agreement. Each Party has the responsibility to protect the Confidential Information from any infringement of a third party, and will not provide any Confidential Information to that third party in the duration of the Contract and after the duration of this Contract (when the Parties are no longer in cooperation) except otherwise. Except the provision of Confidential Information is necessary in accordance with the provisions of law, Court or the request of Viet Nam competent state agency.

8.4 Nghĩa vụ Thanh Toán Thuế Giá Trị Gia Tăng hoặc Thuế Doanh Thu ***The obligation of VAT or Sales tax payment***

Bên A xác nhận rằng Bên A đã đăng ký mã số thuế giá trị gia tăng hoặc thuế doanh thu. Bên A sẽ thông báo ngay lập tức cho Bên B về bất kỳ thay đổi nào đối với việc đăng ký đó. Bên A cam kết với Bên B và đảm bảo cho Bên B được bồi thường và giữ cho Bên B không bị phương hại do toàn bộ và bất kỳ thiệt hại, phạt hành chính hoặc phạt tiền do những hành vi, hành động hoặc sai sót do Bên A gây ra.

Party A declares that Party A is registered as value added tax payer or, as applicable, sales tax payer. Party A shall inform Party B immediately about any change in relation to such registration. Party A warrants to hold the Party B indemnified and harmless against all and any damage, administrative sanction fine or pecuniary sanction which may in any way be attributable to it acts, actions or omissions.

8.5 Nghĩa vụ khác ***Other obligation***

8.5.1 Phối hợp với Bên B để giải quyết các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của Bên B. ***To coordinate with Party B to resolve the after-sales service as the request of Party B***

8.5.2 Bên A đồng ý rằng trong bất kỳ trường hợp nào, Bên A không tặng quà, rút lót tiền hay đưa hoa hồng và/hoặc bất kỳ lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất nào khác cho Bên B và/hoặc nhân viên của Bên B và/hoặc họ hàng của những nhân viên này. Nếu xảy ra hành vi như vậy, Bên B có quyền chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức và không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại phát sinh cho Bên A/cung cấp dịch vụ.

Notwithstanding, Party A agrees that not giving any gift, bribery or commission and/or any different material benefit or non-material benefit for Party B and/or Officers of Party B and or relative of these Officers. If such behaviors occur, Party B has the right to terminate this Contract immediately and shall not compensate any damages incurred for Party A/service provider.

8.5.3 Bên A đảm bảo và cam kết giao đúng Sản Phẩm, đủ hàng, đúng hạn đã thỏa thuận trên Đơn hàng và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cho Bên B.

Party A ensures and warrants that Party A delivers the right products, on time in full according to the Purchase Order and ensuring quality standards.

8.5.4 Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác của Bên A như đã nêu trong Hợp Đồng và theo quy định pháp luật (nếu có). ***To fulfill all the other obligations of Bên A as confined in the Contract and the provisions of law (if any)***

ĐIỀU 9: CAM KẾT VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B **ARTICLE 9: COMMITMENT AND OBLIGATION OF PARTY B**

Bên B cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau đây

Party B hereby undertakes:

- 9.1 Bên B có trách nhiệm tuân thủ các quy định về điều kiện bảo quản và thời hạn sử dụng của sản phẩm do Bên A đề nghị.
Party B has the responsibility to comply with all the terms and conditions about the preservation condition and expiry date of the product suggested by Party A.
- 9.2 Kiểm tra bên ngoài (kiểm tra bằng mắt thường có thể phát hiện ra sự thiếu/đủ, điểm sai lệch) Hàng Hóa và thông báo ngay cho Bên A về số hàng bị hỏng hóc.
Checking outside of the Goods (visual inspection can detect deficiencies) and notify Party A of the defective Goods.
- 9.3 Bên B có nghĩa vụ thanh toán giá trị Hợp Đồng căn cứ trên số lượng Hàng Hóa mà Bên B nhận thực tế từ Bên A theo chứng từ ký nhận giữa hai bên.
Party B has the responsibility to pay for the value of the Contract in accordance with the actual quantity that Party B received from the Party A pursuant to the documents signed by both Parties.
- 9.4 Đảm bảo nhân lực và phương tiện kỹ thuật nhằm phối hợp với Bên A giải quyết các dịch vụ sau bán hàng khi cần thiết.
Ensuring personnel and technical means to cooperate with Party A to solve the after selling when necessary.
- 9.5 Thực hiện các nghĩa vụ khác như đã đề cập trong Hợp Đồng.
Executing all other obligations as stipulated in the Contract.

ĐIỀU 10: QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

ARTICLE 10: INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS

- 10.1 Bên A cam kết và đồng ý rằng Bên A là chủ sở hữu hoặc có quyền hợp pháp đối với các quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả, quyền hình ảnh cá nhân hoặc bất cứ quyền nào khác đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền của bên thứ ba liên quan đến Sản Phẩm/Dịch vụ, hình ảnh cung cấp cho Bên B và bất kỳ công ty thành viên nào của Bên B theo Hợp Đồng này hoặc trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.
Party A undertakes and agrees that it is the owner or has legal rights of industrial property rights, copyrights, individual image/photo right or any other rights in and to all objects of intellectual property rights, third parties' rights related to goods/ services, photos provided to Party B or its affiliates under this Contract or during the performance period of Contract.
- 10.2 Bên A cam kết các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, hình ảnh của Sản Phẩm/Dịch vụ sẽ:
Party A undertakes that the objects of the intellectual property, photos of Goods/Services shall:
- Không sao chép hay xâm phạm quyền của bên thứ ba nào;
Neither reproducing nor violating any third-party rights;
 - Không lệ thuộc một quyền nhân thân, quyền tài sản nào, cũng không bị ràng buộc hay có bất kỳ khiếu nại nào của người thứ ba.
Not dependent on any moral right, property right, not bound or claimed by any third party.
- 10.3 Bên A đồng ý cho phép và cam kết rằng Bên B và các công ty thành viên của Bên B có quyền sử dụng hợp pháp không bị giới hạn về lĩnh vực sử dụng, thời hạn sử dụng, lãnh thổ sử dụng đối với các hình ảnh, tài sản thuộc đối tượng quyền sở hữu trí tuệ nêu trên mà không phải trả phí, không vi phạm bất cứ quyền sở hữu trí tuệ nào, không vi phạm quyền hình ảnh cá nhân và/hoặc bất cứ quyền nào của bên thứ ba; bao gồm nhưng không giới hạn: sử dụng như một SKU chung cho tất cả nhà bán hàng trên sàn, sử dụng trong tính chất không biên giới (borderless) của sàn thương mại điện tử nói chung và sàn thương mại điện tử xuyên biên giới nói riêng.
Party A agrees to grant and undertakes that Party B and its affiliates have the right to use the said photos, objects of intellectual property with no any limitations of field, duration, territory, free, without violation of any intellectual property right, individual photo/image rights and/or any third party's right; including but not limitation to: use photos as a master SKU for all sellers on its platform, in the borderless nature of ecommerce platform in general and cross-border ecommerce platform in particular.

10.4 Bên A cam kết và đồng ý rằng việc Bên A cung cấp hàng hóa cho Bên B và việc Bên B hoặc khách hàng của Bên B sử dụng hàng hóa (bán lại/tiêu thụ) không được đưa đến hậu quả là vi phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc sở hữu công nghiệp của các bên thứ ba, ví dụ như sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp.

Party A undertakes and agrees that the sale of Products by Party A and the resale or use of Product by the Party B or its customers (reselling/consumption) do not result in any infringement of intellectual or industrial property rights of third parties, such as patents, trademarks, protected designs.

10.5 Bên A cam kết và đồng ý rằng Bên A có trách nhiệm bảo vệ Bên B khỏi bất kỳ việc khiêu nại, thưa kiện nào có thể phát sinh chống lại Bên B hoặc bất kỳ công ty thành viên nào của Bên B bị cáo buộc là vi phạm nhãn hiệu, bản quyền hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác, quyền hình ảnh cá nhân hay bất cứ quyền nào của bên thứ ba liên quan đến bất kỳ Sản Phẩm/ dịch vụ và hình ảnh được cung cấp theo Hợp Đồng này, và Bên A sẽ bảo đảm giữ cho Bên B và bất kỳ công ty thành viên nào của Bên B không bị thiệt hại đối với bất kỳ tổn thất, thiệt hại, phí tổn và các chi phí, bao gồm cả phí luật sư, có thể phát sinh do bên thứ ba đòi các quyền đó.

Party A undertakes and agrees that Party A shall defend Party B from any claim or lawsuit that may arise against Party B or its affiliates regarding trademark, copyrights and other related intellectual property right, individual photo rights, any third party right that concerns any goods, services, photos provided hereunder, and Party A shall ensure to hold Party B and its affiliates harmless against any damage, loss, expense and cost, including attorney's fee, that may arise out of such claim.

ĐIỀU 11: SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG

ARTICLE 11: FORCE MAJEURE EVENT

Không bên nào phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ sự chậm trễ hay vi phạm trong việc thực hiện bất cứ nội dung nào của Hợp Đồng này trong trường hợp những chậm trễ hay vi phạm đó gây ra bởi các sự kiện cháy nổ, bão lụt, chiến tranh, cấm vận, yêu cầu của chính phủ, quân đội, thiên tai, dịch bệnh hay các nguyên nhân khác tương tự vượt khỏi tầm kiểm soát của mỗi bên (sau đây gọi là các "Sự Kiện Bất Khả Kháng"). Bên chịu ảnh hưởng bởi các Sự Kiện Bất Khả Kháng có nghĩa vụ thông báo cho bên kia bằng văn bản trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày Sự Kiện Bất Khả Kháng bắt đầu tác động lên việc thực hiện hợp đồng của Bên bị ảnh hưởng. Trong trường hợp việc thực hiện Hợp Đồng của một bên bị chậm trễ quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày bên không bị ảnh hưởng nhận được thông báo theo quy định này, một bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng mà không phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với bên kia. Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng có nghĩa vụ thông báo cho bên kia về việc đơn phương chấm dứt Hợp Đồng.

Neither party shall be held responsible for any delay or failure in performance of any part of this Contract to the extent such delay or failure is caused by fire, flood, explosion, war, embargo, government requirement, civil or military authority, act of God, or other similar causes beyond its control (hereinafter referred to as "Force Majeure Event").

The affected party shall notify the other party in writing within ten (10) days after the beginning of any such effects that would affect its performance. Notwithstanding, if a party's performance is delayed for a period exceeding thirty (30) days from the date the other party receives notice under this paragraph, one of the Parties will have the right, without any liability to the other party, to terminate this Contract. The party unilaterally terminating the Contract shall inform the other party of the termination.

ĐIỀU 12. NHỮNG BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

ARTICLE 12: REMEDIES

Trong trường hợp có sự vi phạm bảo đảm/cam kết quy định tại Điều 8 và Điều 10, Bên B (i) có quyền hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần Đơn hàng, (ii) sẽ không có nghĩa vụ nhận hàng hóa và (iii) sẽ có thêm những biện pháp khắc phục và các quyền sau đây:

In case of a breach of a warranty set out in Article 8 and Article 10, Party B (i) is entitled to cancel the respective Order in full or in part, (ii) shall not be under any obligation to accept delivery of the Products and (iii) shall have the following additional remedies and rights:

12.1 Không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền và biện pháp khắc phục nào khác mà Bên B có theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận quy định tại Hợp Đồng này hoặc bất kỳ hợp đồng nào khác giữa Các Bên,
Without prejudice to any other right and remedy of Party B, whether based on statutory or on contractual provision set forth in this Agreement or any other agreement among the Parties.

- a) Bên A phải bồi thường đầy đủ và hợp lý cho Bên B về mọi tổn thất, bao gồm tổn thất về lợi nhuận, mà Bên B phải gánh chịu do việc Bên A không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của của Hợp Đồng này, đặc biệt là mọi tổn thất và trách nhiệm về thương tích cá nhân, thiệt hại tài sản và những yêu cầu đòi thanh toán của các bên thứ ba gây ra do những khuyết tật trong Sản Phẩm hoặc do sự vi phạm một sự cam kết, đảm bảo, bao hành khác của Bên A; và

Party A shall fully and reasonable indemnify the Party B against all losses, including loss of profits, suffered by Party B as a result of Party A's failure to abide by any term of this Agreement, in particular all losses and liabilities of personal injury, property damage and third party claims caused by defects in Products or by breach of another warranty issued by Party A; and

- b) Bên A phải bồi thường cho Bên B về bất kỳ khoản phạt tiền và những hình thức xử phạt khác, bao gồm cả hình thức xử phạt bổ sung và các thiệt hại thực tế do thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với Bên B liên quan đến hành vi vi phạm về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm và các vi phạm khác do Sản phẩm của Bên A gây ra, hoặc bất kỳ bên thứ ba nào liên đới trách nhiệm với Bên A.

Party B shall indemnify Party B against any fines or other penalties, including additional penalties and the actual damages due to execute remedial measures as required by the competent State authorities to Party B in connection with the violation of quality standard of Products, food safety and other violations relating to Party A's Products, or any third party having joint and several liability with Party A.

- 12.2 Nếu Sản Phẩm đã được giao cho Bên B mà có bất kỳ mặt nào đó không tuân thủ các quy định tại Hợp Đồng này, thì Bên B - không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền nào khác mà Bên B có theo Hợp Đồng hoặc theo luật định - có những quyền lựa chọn sau (i) trả lại Sản Phẩm có lỗi để lấy lại tiền theo giá mua hoặc (ii) thay Sản Phẩm có lỗi bằng Sản Phẩm phù hợp về mọi mặt với Hợp Đồng này hoặc (iii) được quyền khấu trừ vào giá, tương ứng với lỗi của Sản Phẩm. Khi thông báo về lỗi, Bên B sẽ nói rõ lý do, và khi Bên B có yêu cầu, Bên A sẽ phải thu hồi Sản Phẩm đó không trì hoãn với rủi ro và chi phí do Bên A chịu. Nếu Sản Phẩm thuộc loại dễ hư hỏng thì Sản Phẩm hư hỏng đó có thể bị Bên B xử lý với chi phí do Bên A chịu. Bên A sẽ hoàn trả lại cho Bên B mọi chi phí giám định hàng, tiền cược và chi phí xử lý hàng mà Bên B chịu liên quan đến Sản Phẩm không phù hợp.

If Products are delivered to Party B which are in any aspect not in compliance with this Agreement, Party B shall - without prejudice to any other contractual or statutory right of Party B - have the options of (i) returning the faulty Products against a refund of the respective purchase price or (ii) replacing the faulty Products with Products being in all respect in compliance with this Agreement or (iii) being granted a discount in the price in proportion with the fault. Party B shall when giving notice of faults specify the reason, and upon the request of Party B, Party A shall remove such Product at the Party B's risk and expense without undue delay. If Products are readily perishable spoil, then such spoiled Products may be disposed of by Party B at Party A's cost. Party A shall reimburse Party B for all inspection, freight and handling costs incurred by Party B in connection with the non-complying Product.

- 12.3 Bên A đồng ý rằng nếu có Sản Phẩm bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện có sai phạm về mặt vệ sinh và an toàn của Sản Phẩm và nếu có một thư cảnh cáo của cơ quan chức năng được gửi đi hoặc được phát hành, thì Bên B có quyền trả lại Sản Phẩm đó trong vòng một tháng kể từ ngày có thư cảnh cáo và Bên A chịu trách nhiệm trong việc giải trình với cơ quan nhà nước và thực hiện các nghĩa vụ với cơ quan đó. Không phương hại đến bất kỳ quyền nào khác của Bên B, Bên A sẽ hoàn lại ngay cho Bên B mọi số tiền mà Bên B đã trả liên quan đến Sản Phẩm đó khi được thông báo về việc hoàn trả này.

Party A agrees that if there are Products that an official authority has found faulty as far as health and safety are concerned and if an official warning has been sent out or published, then Party B shall be entitled to return such Product within one month from such warning. Without prejudice to any other right of Party B, Party A shall refund to Party B all monies paid by Party B in respect of such Products forthwith on being informed of such returns.

- 12.4 Bên A cam kết rằng, nếu Bên B và/hoặc bất kỳ bên thứ ba nào chịu tổn thất hoặc bị tổn thương do Sản Phẩm có lỗi được cung cấp bởi Bên A, thì Bên A sẽ chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại đối với Bên B và/hoặc bên thứ ba đó bất kỳ khoản đền bù, khoản bồi thường thiệt hại hoặc những khoản yêu cầu trả tiền mà Bên B phải gánh

chịu. Trách nhiệm của Bên A theo quy định này không bị giới hạn bởi thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng quy định này vẫn có hiệu lực dù Hợp đồng chấm dứt.

Party A hereby agrees and undertakes that if Party B and/or any third parties incur a loss or injury due to faulty Product supply by Party A, then Party A shall take responsibility and recoup towards Party B and/or that third parties for any compensation, damages or other claims that may be charged to Party B. Party A's liability under this provision is not limited by the effective term of the Contract, these provisions shall remain effective after the termination of the Contract.

ĐIỀU 13. CHỐNG LÔI KÉO NHÂN VIÊN VÀ CHỐNG CẠNH TRANH **ARTICLE 13. AGAINST DISTRACT EMPLOYEE AND AGAINST COMPETITION**

Bên A, và các thành viên/nhân viên của mình cam kết:

Party A and all its members/employees commit:

- 13.1** Không thực hiện dưới bất kỳ hình thức nào, các hành động, lời lẽ nhằm lôi kéo khách hàng, thành viên, hoặc đối tác đang có giao dịch với Bên B để tham gia bất kỳ một tổ chức nào khác, hoặc hoạt động kinh doanh nào khác có dịch vụ tương tự, hoặc cạnh tranh với Bên B.
Not to perform in any form, actions, words to distract customer, member or partner in transaction with Party B to take part in any other organizations or other business activities has the similar services or compete to the Party B.
- 13.2** Không lôi kéo hoặc dụ dỗ hoặc tìm cách lôi kéo bất kỳ chuyên viên, cán bộ quản lý hoặc nhân viên nào của Bên B, bất kể người ấy có vi phạm hợp đồng lao động, tự nguyện từ chức hoặc chấm dứt công việc tại Bên B hay không, để cùng tham gia hợp tác với nhau, hoặc với một cá nhân, tổ chức nào khác để vận hành và phát triển bất kỳ một dịch vụ kinh doanh nào tương tự hoặc cạnh tranh với các dịch vụ mà Bên B đang triển khai, bao gồm hệ thống của Bên B, hoặc thực hiện bất kỳ hành động nào khác vì bất kỳ mục đích nào.
Not to distract or find a way to attract any expert, manager officer or employees of the Party B, regardless that person violate the labor contract, voluntary resignation or terminate the work at Party B or not, to cooperate with each other, or another individual, organization to operate and develop any similar business services or compete to any services Party B is launching, included the Party B's system or perform any other actions with any objectives.
- 13.3** Không hành động hoặc nói bất kỳ điều gì bất lợi ảnh hưởng tới uy tín của Bên B hoặc có thể làm cho bất kỳ ai hủy bỏ các giao dịch với Bên B đối với hầu hết hoặc tất cả mọi vấn đề tương tự đã được thực hiện, hoặc giao kết trước đây với Bên B.
Not to do or say anything disadvantageous, influence on Party B's reputation or make anyone cancel the transactions with Party B to most of or all the similar problems were made or previously agreed with the Party B.
- 13.4** Không sử dụng, truyền bá, cung cấp cho bất kỳ một bên nào khác (cá nhân hoặc tổ chức) các sản phẩm, hoặc thông tin là kết quả hợp tác giữa Bên A với Bên B theo Hợp Đồng này dưới bất kỳ hình thức nào.
Not to use, promulgate, provide any third party (individuals or organizations) products or information is the result of cooperation between Party A and Party B under this Contract by any kinds of form.
- 13.5** Trong thời gian có hiệu lực của Hợp Đồng này, Bên A không được phép trực tiếp liên hệ, hoặc bằng cách khác, gián tiếp bán Hàng Hóa cho các khách hàng do Bên B đã và đang khai thác trên hệ thống bán hàng trực tuyến, với mục tiêu bán với giá thấp hơn hoặc bằng giá Bên B đang triển khai trên hệ thống của Bên B, đã được Bên A và Bên B thống nhất thực hiện theo Hợp Đồng này.
During the period of validity of the Contract, Party A shall not directly contact, or by other ways, indirectly sell goods to the customers has been exploited by Party B in the online sale systems with the objective to sell Goods with the lower or equal price that Party B applied on the Party B's system which the Party A and the Party B agreed to apply in this Contract.

ĐIỀU 14. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG **ARTICLE 14. TERMINATION**

14.1 Một trong Các Bên có quyền chấm dứt Hợp Đồng này bằng thông báo bằng văn bản đến Bên kia nếu:
Either Party has the right to terminate this Contract by written notice to other Party if:

- a) Một trong Các Bên theo Hợp Đồng này có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng văn bản thông báo trước ba mươi (30) ngày cho Bên kia; hoặc
Either Party has the right to terminate this Contract by giving a 30-day prior termination notice to the other Party in writing; or
- b) Bên kia vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này và, trong trường hợp một vi phạm có thể khắc phục, mà không khắc phục vi phạm trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản nêu đầy đủ chi tiết vi phạm và yêu cầu khắc phục vi phạm đó; hoặc
The other Party violate any term of this Contract and, in the event a violation can be fixed but not fixed within thirty (30) days after receiving written notification with full details and request fixing that violation; or
- c) Bên kia bị tuyên bố chết, phá sản hoặc giải thể (ngoại trừ cho mục đích sáp nhập hoặc cơ cấu lại và theo cách thức mà theo đó công ty được hình thành thực sự đồng ý chịu ràng buộc bởi hay gánh chịu các nghĩa vụ được áp đặt lên Bên kia theo Hợp Đồng này); hoặc
Other Party has been declared dead, bankruptcy or dissolution (except for the purpose of merging or restructuring and with the method that the established company agreed to be bound or bore the obligations imposed on this party under this Contract); or
- d) Bên kia chấm dứt hoặc bị đe dọa chấm dứt thực hiện công việc kinh doanh.
The other Party terminates or threatens to terminate the business.

14.2 Trong mọi trường hợp chấm dứt Hợp Đồng này vì bất kỳ lý do gì, Bên A hỗ trợ mua lại sản phẩm do Bên A cung cấp còn tồn từ Bên B với giá phù hợp do 2 bên thỏa thuận, Các Bên phải thực hiện hoàn tất các nghĩa vụ tài chính liên quan và giải quyết dứt điểm toàn bộ các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.
In any case of termination of this Contract due to any reason, Party A shall support repurchasing the product supplied by Party A that is still in stock from Party B at a suitable price as agreed by the two parties, the Parties have to complete financial obligations and completely resolve all the problems incurred in the process of performing the Contract.

ĐIỀU 15. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP **ARTICLE 15. GOVERNING LAW AND DISPUTE RESOLUTION**

15.1 Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, nếu có phát sinh vướng mắc, tranh chấp thì Các Bên cùng bàn bạc, thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác và cùng có lợi. Nếu Các Bên không tự giải quyết được bằng thương lượng thì vụ việc sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

In the process of implementation of the Contract, in the event of a matter or a dispute, the Parties will negotiate a settlement in the spirit of cooperation and mutual benefit. If the Parties cannot agree how to resolve the matter, the matter shall be submitted to the competent Court for settlement.

15.2 Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh và diễn giải về mọi khía cạnh theo luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

This Contract shall be governed and interpreted in all respects by the laws of the Socialist Republic of Vietnam.

a) Bất kỳ điều khoản nào hoặc việc áp dụng bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị ngăn cấm theo luật pháp hiện hành thì sẽ chỉ bị vô hiệu trong phạm vi của sự ngăn cấm đó.
Any provisions or the application of any provisions of this Contract is prohibited under current Law shall only be invalid within the scope of that prohibition.

b) Bất kỳ điều khoản nào hoặc việc áp dụng bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thi hành theo luật pháp hiện hành thì sẽ không ảnh hưởng đến giá trị hiệu lực, tính hợp pháp hoặc hiệu lực thi hành của các điều khoản còn lại của Hợp Đồng này theo luật pháp hiện hành.
Any provisions or the application of any provisions of this Contract invalid, illegal, or unenforceable, shall not affect the validity, legality or effect of the other provisions of this Contract in accordance with the applicable law.

- c) Các Bên sau đó sẽ sử dụng mọi nỗ lực hợp lý để thay thế điều khoản mất hiệu lực hay không được thực hiện bằng một điều khoản khác có giá trị thỏa thuận tương tự với điều khoản không có hiệu lực hay không được thi hành đó miễn là thỏa thuận đó không trái với pháp luật;

The Parties shall use all reasonable endeavors to substitute the ineffective or unenforceable provision by an equal validity provision to the ineffective or unenforceable provision as long as this provision does not conflict with the law.

ĐIỀU 16: THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

ARTICLE 16: DURATION OF THE CONTRACT

Hợp Đồng này có thời hạn kể từ ngày ký (“Ngày hiệu lực”), và duy trì hiệu lực trong một (01) năm kể từ Ngày hiệu lực (“Thời Hạn”).

This Contract shall take effect as of the signing date (“the Effective Date”), and remain in force for one (01) year from the Effective Date (“the Duration”).

Sau Thời Hạn này, nếu một trong Các Bên không có thỏa thuận gì khác hoặc không gửi thông báo chấm dứt Hợp Đồng, thì Hợp Đồng sẽ tự động gia hạn từng năm một cho các năm kế tiếp và gia hạn không quá hai (02) lần.

After this Duration, the Contract shall be automatically renewed for successive periods of each year unless the Parties agree otherwise or have any notice of termination and renew for no more than two times.

Thông báo không gia hạn Hợp Đồng phải được lập bằng văn bản được ký bởi đại diện hợp pháp của mỗi Bên và được gửi cho Bên kia ít nhất ba mươi (30) ngày trước khi chấm dứt Thời Hạn hiện hành.

The non-renewal notice of the Contract must be executed by documents signed by each Party's rightful representative and delivered to the other Party not less than thirty (30) calendar days before the expiration of the current Duration.

ĐIỀU 17: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ARTICLE 17: THE GENERAL PROVISIONS

- 17.1 Các Phụ Lục đính kèm là những bộ phận không tách rời của Hợp Đồng này. Trong quá trình thực hiện, tất cả phụ lục, sửa đổi nào đối với Hợp Đồng này các Bên phải lập thành văn bản và nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế chỉ có hiệu lực khi được đại diện có thẩm quyền của mỗi Bên ký.

The attached Appendices hereto are integral parts of this Contract. During the term of this Contract, all appendices, amendments to this Contract must be in writing and only take effect as concluded by sufficient authorized representatives of the Parties.

- 17.2 Hợp Đồng này, kể cả điều khoản này, chỉ có thể sửa đổi bằng văn bản được ký bởi đại diện của Các Bên. Ngoài các thỏa thuận trên những vấn đề phát sinh mà chưa được đề cập trong Hợp Đồng này sẽ được giải quyết dựa trên quy định của pháp luật có liên quan.

This Contract, including this clause, may be amended only by a written document signed by both Parties' representatives. Issues that are not mentioned in this Contract shall be in accordance with the laws of Vietnam.

- 17.3 Không từ bỏ

No Waiver:

Bất kỳ một sự không thực hiện quyền hoặc chậm trễ thực hiện quyền bởi bất kỳ một Bên nào theo Hợp Đồng này đều không được xem là sự từ bỏ quyền đó, hoặc bất kỳ một sự thực hiện toàn bộ hoặc một phần quyền riêng rẽ nào cũng đều không làm cản trở đến việc thực hiện quyền tiếp theo tương tự. Không bị giới hạn bởi những quy định trên, không một sự từ bỏ quyền nào bởi bất kỳ Bên nào đối với sự vi phạm Hợp Đồng này hoặc bất kỳ một tài liệu nào có liên quan sẽ được xem là sự từ bỏ quyền đối với bất kỳ sự vi phạm nào trước đó hoặc sau này. Không một sự từ bỏ riêng rẽ nào sẽ được xem là sự từ bỏ liên tiếp hoặc tiếp tục sau đó.

Any failure to perform a right or delay to perform a right by either Party of this Contract is not considered a waiver of such right or any performance in whole or in part of a right shall not prevent the next performance of similar rights. Not limited by such provisions above, no waiver by any Parties to the violation of this Contract or

any relevant documents will be considered the waiver of the right to a violation before and after. No sole waiver considered the continuous waiver or after waiver.

17.4 Bồi thường thiệt hại
Indemnity

Trong trường hợp một trong các bên vi phạm Hợp Đồng, bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên còn lại theo quy định pháp luật.

In case one of the Parties breaches the Contract, the violating Party has the responsibility to compensate the other Party for the damage in accordance with the law.

17.5 Hợp Đồng này bao gồm toàn bộ thỏa thuận giữa các Bên, loại bỏ và thay thế bất kỳ thỏa thuận bằng miệng hoặc bằng văn bản, cam kết hoặc ghi nhớ nào trước đây giữa các Bên. Quy định của điều khoản này sẽ không loại bỏ trách nhiệm do gian dối của các Bên.

This Contract contains the whole agreement between the Parties and supersedes and replaces any prior written or oral agreements, representation or understanding between the Parties. Nothing in this clause shall exclude liability for fraudulent misrepresentation.

17.6 Tất cả các văn bản, thông báo có liên quan đến Hợp Đồng này đều được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc có bản dịch tiếng Việt/tiếng Anh đính kèm. Trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ có giá trị áp dụng.

All other documents or notices provided under or in connection with this Contract shall be in both Vietnamese and English, or accompanied by Vietnamese and English translation. In case of any difference or inconsistencies between the English language and Vietnamese language, the Vietnamese one shall prevail.

<p>THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN BÊN A FOR AND ON BEHALF OF PARTY A</p>  <p>DANG XUAN NGOC</p>	<p>THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN BÊN B FOR AND ON BEHALF OF PARTY B</p>  <p>VU THI NHAT LINH</p>
---	--

PHỤ LỤC 1: THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI
APPENDIX 1: TRADING TERM AGREEMENT

Đính kèm Hợp đồng thương mại Số: 161/2022/HDMB/TIKI-NGOCTHOM ngày 01 tháng 07 năm 2022
According to Commercial Contract No 161/2022/HDMB/TIKI-NGOCTHOM dated on July 01st 2022

Ngày hiệu lực: Từ ngày 01 tháng 07 năm 2022 Đến ngày 30 tháng 06 năm 2023
Effective date: From July 01st 2022 To June 30th 2023

I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG/GENERAL PROVISIONS

1. Thời hạn của thỏa thuận

Duration of Agreement

Thỏa thuận này chỉ có giá trị khi được ký tên bởi đại diện hợp pháp của Các Bên và được đóng dấu công ty. Thỏa thuận này chỉ có giá trị kể từ ngày hiệu lực và sẽ tiếp tục cho đến khi có một Thỏa Thuận mới được ký kết giữa các bên hoặc bị chấm dứt bằng văn bản bởi các Bên.

This agreement is not valid unless it is signed by the legal representatives of the Parties and affixed with the seals of the company. This agreement will be valid starting from the effective date and will continue to be in force until there is a new agreement signed by both Parties or terminated by written agreement of the Parties.

2. Bên B thanh toán cho Bên A

Party B make a payment to Party A

2.1 Thời hạn thanh toán đối với giao dịch mua bán được tính từ ngày Bên A đã hoàn tất việc giao hàng cho Bên B theo quy định trong Đơn Đặt Hàng và Bên B đã nhận đầy đủ bộ hồ sơ, hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Việc thanh toán được thực hiện theo thời hạn thanh toán và lịch biểu thanh toán định kỳ (*) gần nhất của Bên B.

Payment term of Sales and Purchase transaction is counted from the date Party A has completed the delivery of goods to Party B as mentioned in Purchase Order and Party B has received all valid invoices. Payment will be settled based on Payment term and the earliest payment periodic schedule () of Party B.*

2.2 Chu kỳ đối soát giao dịch ký gửi: Từ ngày 26 của tháng trước đến hết ngày 25 của tháng sau. Nếu có sự thay đổi về thời gian, Bên B sẽ gửi thông báo đến Bên A trước 1 tháng.

Transaction reconciliation cycle: from the 26th of the previous month to the 25th of the next month. If there is any change of time, Party B will send a 1-month prior written notice to Party A.

2.3 Thời hạn đối soát giao dịch ký gửi: Vào các ngày 26 đến ngày 30 và ngày cuối cùng của mỗi tháng, hai bên cùng kiểm tra, đối chiếu số liệu và chốt công nợ trong kỳ. Trong 3 ngày làm việc, sau khi Bên B gửi thông tin đối soát cuối cùng, Bên A phải phản hồi cho Bên B. Nếu quá thời hạn, Bên A không phản hồi thì được coi là đồng ý với thông tin Bên B đã gửi và không có bất kỳ khiếu nại nào về sau. Sau đó, Bên A có thời hạn 03 ngày để xuất hoá đơn cho bên B.

Time of cross check for Consignment transaction: From the 26th to the 30th and the last day of each month, the two parties shall cross check data and settle the debt. Party A must respond to Party B within 3 working days after the date Party B sends the final reconciliation information. If Party A has no response within this period, it is considered that Party A agrees with all the information that Party B has sent without any further complaints. After that, Party A has 03 days to issue invoices to Party B.

2.4 Thời hạn thanh toán đối với giao dịch ký gửi được tính từ ngày Các Bên hoàn tất đối soát thanh toán và Bên B đã nhận đầy đủ bộ hồ sơ, hóa đơn, chứng từ hợp lệ từ Bên A. Việc thanh toán sẽ được thực hiện theo thời hạn thanh toán và lịch biểu thanh toán định kỳ (*) gần nhất của Bên B.

Payment term of Consignment transaction is counted from the date the Parties complete the payment reconciliation and Party B has received all valid invoices and supporting documents from Party A. Payment will be settled based on Payment term and the earliest payment periodic schedule () of Party B.*

2.5 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản ngân hàng

Payment method: Bank transfer

2.6 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng
Payment currency: VND

2.7 Nếu có sự thay đổi Lịch biểu thanh toán định kỳ, Bên B sẽ gửi thông báo đến Bên A.
If there is any change of periodic payment schedule, Party B will send written notice to Party A.

(*) Lịch biểu thanh toán định kỳ hiện tại: Bên B sẽ thanh toán định kỳ vào ngày thứ 5 hoặc thứ 6 hàng tuần cho các khoản đến hạn thanh toán đến hết ngày Chủ nhật của tuần đó.

(*) *Current periodic payment schedule: Party B will make periodic payments on Thursday or Friday every week for payments due until the end of Sunday of that week.*

3. Chiết khấu, Phí và Hỗ trợ *Rebates, Fees and Supporting fees*

3.1 Đối với những khoản chiết khấu, phí và hỗ trợ mà Bên B là đơn vị thụ hưởng, tỷ lệ phần trăm (%) quy định dưới đây được tính trên tổng doanh số mua hàng (có nghĩa là theo giá trị hóa đơn chưa bao gồm thuế GTGT) của Bên B trong Thời Hạn Hiệu Lực của Hợp Đồng này, trừ trường hợp có quy định khác trong Hợp Đồng này.

For the rebates, fees and supporting fees of which Party B is the beneficiary, percentages expressed below are based on purchasing turnover (meaning net invoiced price, excluding VAT) invoiced to Party B during the Term of this Contract unless otherwise stipulated in this Contract.

3.2 Tất cả các khoản chiết khấu, phí và hỗ trợ mà Bên B là đơn vị thụ hưởng là tổng số tiền phải thu chưa thuế giá trị gia tăng (VAT). Thuế VAT sẽ được tính cho các khoản chiết khấu, phí và hỗ trợ thuộc đối tượng chịu thuế VAT theo quy định hiện hành. Bên A sẽ thanh toán thêm tiền thuế VAT khi Bên B xuất hóa đơn cho các khoản chiết khấu, phí và hỗ trợ mà Bên B được hưởng.

All the rebates, fees and supporting fees of which Party B is the beneficiary are the total receivable amount excluding value-add tax (VAT). VAT tax shall be added on for rebate amount, fee and supporting fee being subject to VAT tax as stipulated by the applicable laws. Party A will make additional payment for VAT amount when Party B issues invoices for the rebate, fee and supporting fee paid to Party B.

3.3 Thời gian đối soát: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được thông báo đối soát chiết khấu, nếu Bên A không phản hồi thì được xem là Bên A chấp nhận toàn bộ nội dung của thông báo đó. Bên B sẽ tiến hành xuất hóa đơn cho Bên A và số tiền thanh toán sẽ được căn trừ vào kỳ thanh toán kế tiếp mà không có bất cứ sự khiếu nại nào.

Time of Cross Check: Within 03 working days from the date the party A receives the reconciliation notice, if the party A does not inform any feedback, it shall be considered as the Party A accepts all contents of the notice. Party B issues invoices to Party A and the payable amount will be deducted from the next payment without any complaints.

3.4 Thời hạn và Hình thức thanh toán: Số tiền chiết khấu này sẽ được Bên A căn trừ công nợ cho Bên B trong vòng 7 ngày kể từ ngày hai bên đã đối chiếu, ký văn bản xác nhận và Bên B đã cung cấp chứng từ hợp lệ cho Bên A theo quy định quản lý tài chính của Nhà Nước về khoản hỗ trợ này. Trường hợp không còn công nợ để căn trừ, Bên A sẽ chuyển khoản chi trả tất cả các khoản tiền chiết khấu, hỗ trợ, thưởng chương trình... còn tồn đọng mà Bên A chưa chi trả cho Bên B trong vòng 7 ngày.

Payment period & method: Party A has to clear the debt for The Party B on the discount amount within 7 days after the two Parties have reconciled, signed the confirmation document and the Party B provided valid documents to the Party A, according to the State's financial management regulation on this support. In case there is no debt, Party A will proceed to bank transfer all the discount, support, bonus amount that is not yet paid by Party A to Party B within 07 days.

4. Thỏa thuận này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc có bản dịch tiếng Việt/tiếng Anh đính kèm. Trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ có giá trị áp dụng.

This agreement provided under or in connection with this Contract shall be in both Vietnamese and English or accompanied by Vietnamese and English translation. In case of any difference or inconsistencies between the English language and Vietnamese language, the Vietnamese one shall prevail.

II. ĐIỀU KHOẢN CHI TIẾT/PARTICULAR PROVISIONS

Số thứ tự/No.	Nội dung Contents		
1	Thời hạn Bên B thanh toán cho Bên A <i>Payment period Party B make a payment to Party A</i>		30 ngày/ days
2	Chiết khấu trực tiếp trên giá mua <i>Directly discount on the Purchase price</i>		3 %
3	Chiết khấu trên doanh số mua hàng chưa bao gồm VAT <i>Rebate on total purchase excluding VAT</i>		Giai đoạn <i>Period</i>
3.1	Chiết khấu doanh số mua hàng không có chi tiêu <i>Rebate on total purchase without target</i>	5 %	Trên tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm thuế VAT <i>On total purchase excluding VAT</i> Hàng tháng <i>Monthly</i>
3.2	Chiết khấu doanh số mua hàng có chi tiêu <i>Incentive rebate on total purchase with target</i>	Giai đoạn <i>Period</i>	Chi tiêu doanh số chưa bao gồm VAT <i>Target total purchase excluding VAT</i> Mức chiết khấu <i>Discount</i>
			Từ/ From..... N/A
			Từ/ From..... N/A
			Từ/ From..... N/A
4	Hỗ trợ trên doanh số mua hàng chưa bao gồm VAT <i>Supporting fees on total purchase excluding VAT</i>		Giai đoạn <i>Period</i>
4.1	Hỗ trợ bán hàng <i>Sales Support</i>	N/A	Trên tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm VAT <i>On total purchase excluding VAT</i> Hàng tháng <i>Monthly</i>
4.2	Hỗ trợ vận chuyển <i>Transportation support</i>	N/A	Trên tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm VAT <i>On total purchase excluding VAT</i> Hàng tháng <i>Monthly</i>
4.3	Hỗ trợ vận hành <i>Operation support</i>	N/A	Trên tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm VAT <i>On total purchase excluding VAT</i> Hàng tháng <i>Monthly</i>
4.4	Hỗ trợ cung cấp thông tin <i>Data sharing</i>	N/A	Trên tổng doanh số mua hàng chưa bao gồm VAT <i>On total purchase excluding VAT</i> Hàng tháng <i>Monthly</i>
4.5	Hỗ trợ khai trương kho mới <i>Opening store support</i>	N/A	Trên doanh số mua hàng kho mới chưa bao gồm VAT <i>On total purchase excluding VAT of new stores</i> Từ đơn hàng đầu tiên đến 30 ngày sau ngày khai trương. <i>From the first order to 30 days after opening</i>

PHỤ LỤC 2: THỎA THUẬN GIAO HÀNG VÀ VẬN HÀNH
APPENDIX 2: DELIVERY AND OPERATION AGREEMENT

Đính kèm Hợp đồng thương mại Số: 161/2022/HDMB/TIKI-NGOCTHOM ngày 01 tháng 07 năm 2022
According to Commercial Contract No 161/2022/HDMB/TIKI-NGOCTHOM dated on July 01st 2022

Ngày hiệu lực: ngày 01 tháng 07 năm 2022
Effective date on: July 01st 2022

I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG/GENERAL PROVISIONS

1. Thỏa thuận này chỉ có giá trị khi được ký tên và đóng dấu đầy đủ của Bên A và Bên B. Thỏa thuận này chỉ có giá trị kể từ ngày hiệu lực và sẽ tiếp tục cho đến khi có một Thỏa Thuận mới được ký kết giữa các bên hoặc bị chấm dứt bằng văn bản bởi các Bên.
This agreement is not valid unless it is signed by the Parties' legal representatives and affixed with the seals of the companies. This agreement will be valid starting from the effective date and will continue to be in force until there is a new agreement signed by both parties or terminated by written agreement of both parties.
2. Thỏa thuận này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc có bản dịch tiếng Việt/tiếng Anh đính kèm. Trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ có giá trị áp dụng.
This agreement provided under or in connection with this Contract shall be in both Vietnamese and English, or accompanied by Vietnamese and English translation. In case of any difference or inconsistencies between the English language and Vietnamese language, the Vietnamese one shall prevail.
3. Việc điều chỉnh giá mua phải được thông báo và thống nhất bởi hai Bên. Thông báo điều chỉnh giá phải có chữ ký của người có thẩm quyền và dấu công ty.
Purchase price adjustment must be informed and agreed by both Parties. Office document must be signed and chopped by the legitimate person

II. ĐIỀU KHOẢN CHI TIẾT/PARTICULAR

Số thứ tự No.	Nội dung Contents		
1	Thời hạn xác nhận Đơn Đặt Hàng <i>The duration of the Purchase Order confirmation</i>	01 ngày / days	Kể từ ngày bên A nhận được thông báo có Đơn Hàng <i>From the date on which Party A receive the notice of the Purchase Order</i>
2	Thời hạn giao hàng <i>Delivery schedule</i>	02 ngày / days	Kể từ ngày Bên A phản hồi/xác nhận Đơn Đặt Hàng <i>From the date on which Party A feedback/ confirms the Purchase Order</i>
3	Thời hạn bổ sung hàng (giao thiếu, sai hàng) <i>Additional time for exchange (if lack of goods, wrong goods)</i>	02 ngày / days	Kể từ ngày giao hàng đầu tiên <i>From the first delivery time</i>
4	Cập nhật giá mua <i>Update purchase price</i>	30 ngày / days	Trước khi tăng giá <i>Before applying new price</i>
5	Tỷ lệ giao hàng đủ <i>Fill rate</i>	95%	
6	Tỷ lệ giao hàng đúng hạn <i>On Time Delivery Rate</i>	100%	
7	Số lượng/Giá trị tối thiểu mỗi	Thùng/Carton

	điểm giao <i>Minimum Order Quantity/ Minimum Order Value for each delivery location</i>	1.000.000	VND
		Kg
8	Đồng kiểm <i>Simultaneous inspection of Products</i>	<input checked="" type="checkbox"/>	Có/Yes
		<input type="checkbox"/>	Không/No
9	Khả năng giao hàng <i>Delivery ability</i>	<input checked="" type="checkbox"/>	Trực tiếp <i>Direct Delivery</i>
		<input type="checkbox"/>	Luân chuyển <i>Pre-Allocated Cross Docking</i>
10	Trả hàng <i>Return agreement</i>	<input type="checkbox"/>	Không điều kiện <i>Unconditional</i>
		<input type="checkbox"/>	Tồn kho quá..... ngày kể từ ngày nhận hàng <i>Stock over days from last good receiving date</i>
		<input type="checkbox"/>	Hàng ngưng bán <i>Blocked products</i>
		<input checked="" type="checkbox"/>	Hàng hư hỏng <i>Damaged products</i>
		<input type="checkbox"/> ngày cận date <i>..... days nearly expiry date</i>
		<input type="checkbox"/>	Hàng khách trả lại <i>Products return from customer</i>
11	Thời gian Bên A thực hiện việc đổi/trả hàng <i>Time for Party A complete the exchanging/returning products</i>	7 ngày / days	Kể từ khi Bên A nhận được thông báo của Bên B <i>From Party A receiving the request of Party B</i>
12	Thời gian Bên A thực hiện bảo hành <i>Time for Party A complete the warranty</i> ngày / days	Kể từ khi Bên A nhận được thông báo của Bên B <i>From Party A receiving the request of Party B</i>
13	Phí quá hạn lưu kho <i>Fee for late receive exchange/ return products</i>	2%	Tổng giá trị hàng hóa đổi trả/ngày <i>Total amount of exchange or return products/day</i>

12	8938529045047	Mọc Nấm Hương Ngọc Thơm 250g	8%	8%	44,620	48,190	
13	8938529045054	Đùi Gà Sốt Cay Vị Tứ Xuyên Ngọc Thơm 500g	8%	8%	102,238	110,417	
14	8938529045221	Chân Gà Rút Xương Sốt Siêu Cay Ngọc Thơm 400g	8%	8%	88,028	95,070	
15	8938529045177	Giò Lụa Cây Ngọc Thơm 250g	8%	8%	57,618	62,227	
16	8938529045191	Giò Sụn Gà Ngọc Thơm 250g	8%	8%	59,219	63,956	
17	8938529045207	Chả Nướng Ngọc Thơm 300g	8%	8%	68,822	74,327	
18	8938529045139	Chả Cốm Ngọc Thơm 300g	8%	8%	72,023	77,784	

